



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2- CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84).24. 3765 3338. Fax: (+84).24.3 765 3336.

Mã số thuế: 0102314051

Email: info@sabecohanoi.com.vn.

Website: www.sabecohanoi.com.vn.

Số 15/BSGHN

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC/ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi :

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI**
- Mã chứng khoán: BSH
- Địa chỉ trụ sở chính: A2-CN8, Cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024.37653338 Fax: 024.37653336
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vương Thừa Đại
- Chức vụ: Thư ký Công ty.
- Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

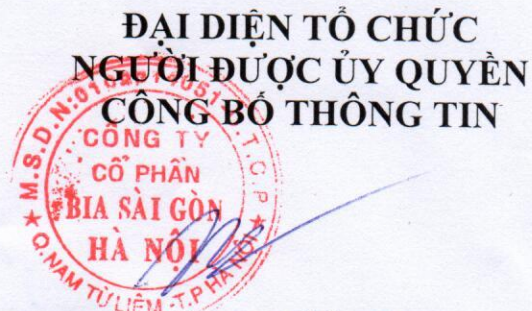
Nội dung công bố thông tin:

- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội Công bố Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.



Vương Thừa Đại



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận	0102314051	ngày 6 tháng 7 năm 2007
Đăng ký Doanh nghiệp số	0102314051	ngày 25 tháng 9 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 25 tháng 9 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lâm Du An	Chủ tịch
	Ông Trương Hùng Dũng	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
	Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên
	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Thành viên

Ban Kiểm soát	Ông Đặng Thái Bình	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Viết Quý	Phó Giám đốc
	Ông Lê Thanh Tùng	Phó Giám đốc
	Bà Bùi Thị Thanh Ngọc	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký	Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm Phường Phương Canh Quận Nam Từ Liêm Thành phố Hà Nội Việt Nam
-----------------------	--

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Hữu Lộc
Giám đốc

Hà Nội, ngày 4 tháng 3 năm 2020

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00269-20-2



Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghi
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		206.173.764.993	251.621.320.474
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	63.950.355.090	56.286.361.990
Tiền	111		1.950.355.090	56.286.361.990
Các khoản tương đương tiền	112		62.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.500.000.000	72.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	38.500.000.000	72.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.608.693.359	39.516.977.858
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	38.583.956.600	34.706.474.447
Trả trước cho người bán	132		839.667.627	3.371.200.508
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.185.069.132	1.439.302.903
Hàng tồn kho	140	8	62.404.675.764	82.235.900.075
Hàng tồn kho	141		69.792.710.232	82.235.900.075
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.388.034.468)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		710.040.780	1.582.080.551
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		410.245.240	1.582.080.551
Thuế phải thu Nhà nước	153		299.795.540	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		189.195.794.131	254.102.351.693
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	-
Tài sản cố định	220		178.014.633.181	224.893.554.409
Tài sản cố định hữu hình	221	9	178.014.633.181	224.893.554.409
Nguyên giá	222		689.621.352.499	667.022.012.488
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(511.606.719.318)	(442.128.458.079)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		350.000.000	350.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(350.000.000)	(350.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.455.630.456	18.697.143.987
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	3.455.630.456	18.697.143.987
Tài sản dài hạn khác	260		7.715.530.494	10.511.653.297
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	6.150.068.461	10.511.653.297
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.565.462.033	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		395.369.559.124	505.723.672.167

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

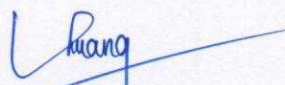
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		125.122.930.801	221.468.267.661
Nợ ngắn hạn	310		124.683.655.106	206.410.969.919
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	12.302.647.030	23.206.084.772
Người mua trả tiền trước	312		1.405.238.394	2.104.978.832
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	77.163.977.639	82.935.868.188
Phải trả người lao động	314		5.962.875.384	5.831.905.681
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.247.001.873	1.024.256.041
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	8.761.809.934	11.892.346.468
Vay ngắn hạn	320	15(a)	10.300.000.000	71.750.614.429
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	7.540.104.852	7.664.915.508
Nợ dài hạn	330		439.275.695	15.057.297.742
Vay dài hạn	338	15(b)	-	14.618.022.047
Dự phòng phải trả dài hạn	342		439.275.695	439.275.695
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		270.246.628.323	284.255.404.506
Vốn chủ sở hữu	410	17	270.246.628.323	284.255.404.506
Vốn cổ phần	411	18	180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.157.486.522	6.157.486.522
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	33.968.770.588	33.968.770.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.120.371.213	64.129.147.396
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.581.550.227	46.708.265.352
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		39.538.820.986	17.420.882.044
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		395.369.559.124	505.723.672.167

Ngày 4 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hữu Lộc
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	778.438.545.956	677.473.179.332
Giá vốn hàng bán	11	23	668.112.428.407	581.153.765.049
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		110.326.117.549	96.319.414.283
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	5.538.500.236	5.213.150.157
Chi phí tài chính	22	25	2.900.366.351	3.795.015.285
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.845.202.741</i>	<i>3.739.646.399</i>
Chi phí bán hàng	25	26	8.009.291.858	12.569.998.204
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	23.448.516.092	30.007.701.206
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		81.506.443.484	55.159.849.745
Thu nhập khác	31		3.745.945.002	228.707.279
Chi phí khác	32		2.108.825.145	838.583.338
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.637.119.857	(609.876.059)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		83.143.563.341	54.549.973.686
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	18.625.044.732	11.905.603.029
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	29	(1.565.462.033)	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		66.083.980.642	42.644.370.657
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.215	1.968

Ngày 4 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hữu Lộc
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	83.143.563.341	54.549.973.686
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	69.478.261.239	59.147.032.081
Các khoản dự phòng	03	7.388.034.468	439.275.695
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(5.492.399.753)	(5.026.927.903)
Giá trị còn lại của tài sản cố định bị xóa sổ	05	-	692.960.551
Chi phí lãi vay	06	2.845.202.741	3.739.646.399
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	157.362.662.036	113.541.960.509
Biến động các khoản phải thu	09	(2.417.899.831)	5.309.161.658
Biến động hàng tồn kho	10	12.443.189.843	(6.696.118.177)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(24.663.238.122)	16.116.278.634
Biến động chi phí trả trước	12	5.533.420.147	2.235.841.347
		148.258.134.073	130.507.123.971
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.845.202.741)	(3.878.082.991)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.029.302.418)	(17.767.584.197)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	13.153.973	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.352.704.382)	(6.043.377.162)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	123.044.078.505	102.818.079.621
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(5.213.624.025)	(36.301.592.582)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(68.500.000.000)	(72.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	102.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	4.402.175.096	4.115.585.438
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	32.688.551.071	(104.186.007.144)

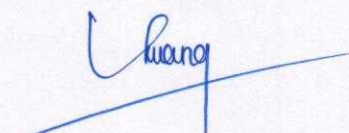
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	544.224.276.570	693.008.170.356
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(620.292.913.046)	(726.283.281.388)
Tiền chi trả cổ tức	36	(72.000.000.000)	(85.664.913.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(148.068.636.476)	(118.940.024.832)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	7.663.993.100	(120.307.952.355)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	56.286.361.990	176.594.314.345
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70 5	63.950.355.090	56.286.361.990

Ngày 4 tháng 3 năm 2020

Người lập:


 Bùi Thị Thanh Ngọc
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Hữu Lộc
 Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 374/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là BSH.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia rượu, nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 182 nhân viên (1/1/2019: 189 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Khoản phải thu

Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 14 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 15 năm

Theo công văn số 61328 ngày 1 tháng 9 năm 2018 của Cục Thuế Hà Nội, Công ty đã xác định mức trích khấu hao tài sản cố định hữu hình căn cứ vào giá trị còn lại chia cho thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định hữu hình tính từ ngày 1 tháng 9 năm 2018. Ảnh hưởng việc áp dụng công văn 61328 là làm tăng chi phí khấu hao trong năm 13.835 triệu VND (2018: 5.165 triệu VND).

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong năm, không diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Công ty chia bộ phận địa lý theo vị trí của khách hàng bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỉ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	121.281.898	432.654.797
Tiền gửi ngân hàng	1.829.073.192	55.853.707.193
Các khoản tương đương tiền	62.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	63.950.355.090	56.286.361.990

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5% một năm (1/1/2019: Không).

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 6,8% một năm (1/1/2019: 6% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	38.383.956.600	27.041.488.482
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	7.459.413.742
Các khách hàng khác	200.000.000	205.572.223
	38.583.956.600	34.706.474.447

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	38.383.956.600	27.041.488.482
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	7.459.413.742
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	-	176.929.499
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	-	19.875.240

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
	(Phân loại lại)			
Nguyên vật liệu	24.504.517.849	-	27.830.234.989	-
Công cụ và dụng cụ	17.224.055.003	(7.388.034.468)	19.276.009.631	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.096.422.989	-	19.917.622.380	-
Thành phẩm	8.961.285.295	-	15.200.782.161	-
Hàng hóa	6.429.096	-	11.250.914	-
	69.792.710.232	(7.388.034.468)	82.235.900.075	-

Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh số dự phòng trích lập trong năm (2018: Không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	58.127.038.224	598.155.260.114	7.907.289.410	2.832.424.740	667.022.012.488
Tăng trong năm	-	1.535.000.000	-	114.292.000	1.649.292.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	20.950.048.011	-	-	20.950.048.011
Số dư cuối năm	58.127.038.224	620.640.308.125	7.907.289.410	2.946.716.740	689.621.352.499
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	20.112.534.910	415.498.284.661	4.363.784.312	2.153.854.196	442.128.458.079
Khấu hao trong năm	2.544.341.226	66.093.185.675	688.173.926	152.560.412	69.478.261.239
Số dư cuối năm	22.656.876.136	481.591.470.336	5.051.958.238	2.306.414.608	511.606.719.318
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	38.014.503.314	182.656.975.453	3.543.505.098	678.570.544	224.893.554.409
Số dư cuối năm	35.470.162.088	139.048.837.789	2.855.331.172	640.302.132	178.014.633.181

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 10.151 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 6.529 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	18.697.143.987	-
Tăng trong năm	5.708.534.480	39.528.962.169
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(20.950.048.011)	(20.831.818.182)
Số dư cuối năm	3.455.630.456	18.697.143.987

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, không có xây dựng cơ bản dở dang được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (1/1/2019: 18.697 triệu VND) (Thuyết minh 15).

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.979.956.464	2.135.470.653	4.396.226.180	10.511.653.297
Tăng trong năm	1.498.376.880	1.622.765.820	1.927.097.318	5.048.240.018
Phân bổ trong năm	(4.541.847.793)	(2.238.221.220)	(2.629.755.841)	(9.409.824.854)
Số dư cuối năm	936.485.551	1.520.015.253	3.693.567.657	6.150.068.461

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	5.453.717.282	7.597.002.247
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Năng Lượng Xanh	1.460.286.409	1.912.168.035
Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải Thái Tân	1.221.119.900	1.561.824.000
Các nhà cung cấp khác	4.167.523.439	12.135.090.490
	12.302.647.030	23.206.084.772

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	5.453.717.282	7.597.002.247
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	68.200.000	68.200.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	302.317.289

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/ cán trừ trong năm VND	Phân loại lại sang thuế phải thu VND	31/12/2019 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	72.392.040.560	785.367.165.130	(793.621.407.294)	-	64.137.798.396
Thuế thu nhập doanh nghiệp	873.922.029	18.625.044.732	(14.029.302.418)	-	5.469.664.343
Thuế giá trị gia tăng	9.096.899.931	154.280.505.240	(155.820.890.271)	-	7.556.514.900
Thuế thu nhập cá nhân	573.005.668	1.140.855.577	(2.013.656.785)	299.795.540	-
	82.935.868.188	959.413.570.679	(965.485.256.768)	299.795.540	77.163.977.639

4. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.209.500.000	11.377.920.000
Cổ tức phải trả	552.309.934	514.426.468
	8.761.809.934	11.892.346.468

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Vay

a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2019 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	62.010.614.429	544.224.276.570	(595.934.890.999)	10.300.000.000
Vay dài hạn đến hạn phải trả	9.740.000.000	-	(9.740.000.000)	-
	71.750.614.429	544.224.276.570	(605.674.890.999)	10.300.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (a)	VND	5,7%	10.300.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (b)	VND	5,5%	-	62.010.614.429
			10.300.000.000	62.010.614.429

) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 150.000 triệu VND và không có đảm bảo.

) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 130.000 triệu VND và không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Vay dài hạn	-	24.358.022.047
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(9.740.000.000)
		<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	14.618.022.047
		<hr/>

Số dư đầu năm của khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 18.697 triệu VND (Thuyết minh 10). Khoản vay này đã được hoàn trả đầy đủ trong năm.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.664.915.508	543.318.874
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	8.214.739.753	12.959.494.655
Tăng khác	13.153.973	205.479.141
Sử dụng trong năm	(8.352.704.382)	(6.043.377.162)
		<hr/>
Số dư cuối năm	7.540.104.852	7.664.915.508
		<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	88.444.271.394	308.570.528.504
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	42.644.370.657	42.644.370.657
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(12.959.494.655)	(12.959.494.655)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	64.129.147.396	284.255.404.506
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	66.083.980.642	66.083.980.642
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(72.000.000.000)	(72.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(8.214.739.753)	(8.214.739.753)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(330.419.903)	(330.419.903)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	452.402.831	452.402.831
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	50.120.371.213	270.246.628.323

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000	18.000.000	180.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000	18.000.000	180.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức như đã được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

19. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 2 tháng 4 năm 2019, Đại Hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 72.000 triệu VND (tương đương 4.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (2018: 36.000 triệu VND, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017).

Tại cuộc họp ngày 3 tháng 9 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty cũng đã phê duyệt tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 18.000 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2018: 18.000 triệu VND, tương đương 1.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018).

20. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Trong vòng một năm	5.159.317.816	3.633.445.816
Từ hai đến năm năm	8.289.195.632	11.827.159.264
Sau năm năm	132.972.513.263	90.358.451.079
	146.421.026.711	105.819.056.159

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	25	523.748	245.974	5.719.164.081
EUR	121	3.259.952	127	3.406.953
		3.783.700		5.722.571.034

22. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	772.134.216.029	663.545.235.389
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	1.557.501.381.159	1.365.134.592.767
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(785.367.165.130)	(701.589.357.378)
▪ Doanh thu khác	6.304.329.927	13.927.943.943
	778.438.545.956	677.473.179.332

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Giá vốn hàng bán

	2019 VND	2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	659.649.896.135	572.730.827.421
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.388.034.468	-
▪ Giá vốn khác	1.074.497.804	8.422.937.628
	<hr/>	<hr/>
	668.112.428.407	581.153.765.049

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền gửi	5.492.399.753	5.026.927.903
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	46.100.483	186.222.254
	<hr/>	<hr/>
	5.538.500.236	5.213.150.157

25. Chi phí tài chính

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay	2.845.202.741	3.739.646.399
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	55.163.610	55.368.886
	<hr/>	<hr/>
	2.900.366.351	3.795.015.285

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí bán hàng

	2019 VND	2018 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.305.803.108	6.538.566.989
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.088.963.901	3.036.453.967
Chi phí nhân viên	1.892.756.774	2.063.817.561
Chi phí bán hàng khác	721.768.075	931.159.687
	8.009.291.858	12.569.998.204

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	11.302.362.599	11.843.863.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.594.771.383	7.513.675.267
Chi phí vật liệu quản lý	2.825.940.647	3.352.147.532
Chi phí khấu hao	517.438.851	897.379.265
Chi phí quản lý khác	3.208.002.612	6.400.635.853
	23.448.516.092	30.007.701.206

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	562.235.544.816	494.220.436.585
Chi phí khấu hao và phân bổ	69.478.261.239	59.147.032.081
Chi phí nhân công và nhân viên	39.545.814.319	37.536.368.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.030.774.030	21.871.313.520
Chi phí khác	12.279.841.953	10.963.236.537

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Năm hiện hành	18.595.742.314	11.873.923.029
Dự phòng thiếu trong những năm trước	29.302.418	31.680.000
	<hr/> 18.625.044.732	<hr/> 11.905.603.029
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.565.462.033)	-
	<hr/> 17.059.582.699	<hr/> 11.905.603.029

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	83.143.563.341	54.549.973.686
	<hr/> 16.628.712.668	<hr/> 10.909.994.737
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	103.745.034	963.928.292
Chi phí không được khấu trừ thuế	297.822.579	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	29.302.418	31.680.000
Dự phòng thiếu trong những năm trước	<hr/> 17.059.582.699	<hr/> 11.905.603.029

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	66.083.980.642	42.644.370.657
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(8.214.739.753)	(7.223.488.613)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>57.869.240.889</u>	<u>35.420.882.044</u>

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng cổ đông thường niên của Công ty.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lại cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm trình bày là 18.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.453.801.961.420	1.235.119.797.727
Mua nguyên vật liệu	420.782.780.984	342.586.626.220
Cổ tức	37.520.000.000	28.140.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán thành phẩm	-	6.781.285.220
Mua hàng hóa	1.356.921.720	6.784.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa	619.690.000	613.800.000
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	-	35.669.400
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	-	50.000.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Bán thành phẩm	-	130.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco		
Mua dịch vụ	689.839.371	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các quyền lợi gộp khác	3.272.467.625	4.394.305.350

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

32. Số liệu so sánh

Ngoài một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Hàng tồn kho

	1/1/2019 VND (phân loại lại)	1/1/2019 VND (theo báo cáo trước đây)
Nguyên vật liệu	27.830.234.989	46.068.035.580
Công cụ dụng cụ	19.276.009.631	1.038.209.040

Ngày 4 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hữu Lộc
Giám đốc



